

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày 17/01/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Long

Bà Trần Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 684/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trường T, xã Trường T, huyện L, thành phố C.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trường T, xã Trường T, huyện L, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B trình bày:

Trước đây, bà có cho bà Nguyễn Thị A vay số tiền 160.000.000đồng với lãi suất 5%/tháng và bà A đóng được 04 tháng ngày 21/5/2021 thì ngưng không đóng nữa, số tiền vay này có lập một biên nhận nhưng hiện nay không còn. Đến ngày 30/5/2021 bà A tiếp tục vay số tiền 20.000.000đồng và 10.000.000đồng cũng với lãi suất 5%/tháng, nhưng bà A không trả lãi. Khi giao số tiền 20.000.000đồng, 10.000.000đồng thì bà có lập thành một biên nhận chung, nhập 160.000.000đồng đã vay trước đây và cộng thêm tiền hụi bà A còn nợ 28.080.000đồng, biên nhận này được lập ngày 30/5/2021 có chữ ký của bà A.

Ngoài ra, bà có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà A làm chủ và bà cũng đã hốt các dây hụi này nhưng A không giao tiền nên trong năm 2021 hai có làm tờ

giấy tay do bà A ký tên và ghi xác nhận số tiền còn hui còn nợ đến ngày 01/11/2021 là 77.500.000đồng. Mặc dù, bà đã nhiều lần yêu cầu bà A trả nợ nhưng bà A chỉ hứa hẹn mà không trả. Vì vậy, bà mới khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà A phải cho bà số tiền vay là 190.0000.000đồng, đồng thời bà A phải chịu tiền lãi theo quy định 10%/năm đến ngày xét xử. Trong đó tiền vay 160.000.000đồng phải chịu tiền lãi từ ngày 21/5/2021 và tiền vay 30.000.000đồng phải chịu tiền lãi từ ngày 30/5/2021. Về tiền hui bà yêu cầu bà A phải trả số tiền hui theo xác nhận ngày 01/11/2021 là 77.500.000đồng và 28.080.000đồng tiền hui theo biên nhận bà A ký xác nhận chung với tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, bà Nguyễn Thị A trình bày:

Vào tháng 02 năm 2019, bà có vay của bà B số tiền 40.000.000đồng và có viết biên nhận tay do bà B giữ. Ngày 30/6/2020, bà có vay của bà B số tiền 20.000.000đồng, góp mỗi ngày là 200.000đồng, bà góp được 04 tháng thì đã xong số tiền này. Đến 27/5/2021 bà vay tiếp của bà B 10.000.000đồng, góp mỗi ngày góp 200.000đồng, góp được 05 ngày thì ngưng không góp nữa do dịch Covid-19 và cộng vào tiền hui. Bà thừa nhận có nợ hui 28.080.000đồng và 77.500.000đồng nhưng tất cả các khoản tiền này đã được cộng với tiền vay 40.000.000đồng, 10.000.000đồng thành 160.000.000đồng. Sau khi cộng lại thì bà B có viết biên nhận cho bà ký xác nhận và bà B đã giữ biên nhận, đồng thời bà xác định chữ ký trong biên nhận do bà B cung cấp là chữ ký của bà nhưng về màu mực thì bà cho rằng bà không ký mực màu đen mà bà chỉ ký mực màu xanh, bà không yêu cầu giám định chữ ký. Bà chỉ đồng ý trả 160.000.000đồng, trong đó trả nợ vay 40.000.000đồng, bà đồng ý trả tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 21/5/2021, trả tiền vay 10.000.000đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 30/5/2021, phần còn lại là 110.000.000đồng tiền hui bà không trả lãi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị A phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 190.000.000đồng cùng với tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/12/2022 và trả số tiền hui còn nợ là 105.580.000đồng. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng có một biên nhận 160.000.000đồng nhưng do ngày 30/5/2021 bị đơn có vay thêm tiền nên hai bên thống nhất lập lại một biên nhận mới để cộng khoảng tiền vay mới 20.000.000đồng, 10.000.000đồng và tiền hui còn nợ khi đó là 28.080.000đồng.

Bị đơn xác định có ký biên nhận để xác nhận số tiền bị đơn còn nợ 160.000.000đồng và biên nhận này được ký vào khoảng tháng 10/2021 do nguyên đơn giữ. Ngoài ra, bị đơn cho rằng biên nhận nguyên đơn cung cấp không phải biên nhận mà bị đơn đã ký trước đó. Bị đơn không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký trong biên nhận, bị đơn chỉ đồng ý trả 160.000.000đồng. Trong đó trả tiền vay 50.000.000đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm và trả tiền hui 110.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị A trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền vay 190.000.000đồng cùng với tiền lãi và buộc bà A phải trả tiền hui còn nợ là 105.580.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu trả tiền vay và tiền hui: Trong năm 2021 nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận việc vay mượn tiền cũng như các hợp đồng góp hui do bị đơn làm chủ hui. Theo nội dung thỏa thuận thì bị đơn có vay của nguyên đơn 03 lần với tổng số tiền là 190.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả và các bên có lập biên nhận có chữ của bị đơn, cũng trong biên nhận này có ghi nhận số tiền hui mà bị đơn còn nợ nguyên đơn 28.080.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có ký biên nhận nợ 160.000.000đồng vào khoảng tháng 10/2021 và bị đơn cũng xác định chữ ký có mực màu đen trong biên nhận là của bị đơn nhưng lại cho rằng bị đơn không sử dụng mực màu đen, đồng thời bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký trong biên nhận. Ngoài ra, bị đơn còn thừa nhận có ký nhận nợ tiền hui nguyên đơn tính đến ngày 01/11/2021 là 77.500.000đồng nhưng bị đơn lại cho rằng đã cộng vào vào số tiền 160.000.000đồng là không phù hợp. Vì biên nhận có số tiền 160.000.000đồng theo như lời trình bày của bị đơn là tháng 10/2021 nghĩa là biên nhận này được lập trước ngày bị đơn ký nhận nợ hui 77.500.000đồng vào ngày 01/11/2021. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay 190.000.000đồng và tiền hui 105.580.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Trong biên nhận nợ không thể hiện việc cho vay có lãi suất nhưng bị đơn thừa nhận vay tiền của nguyên đơn thỏa thuận tiền lãi nhưng ở mức lãi suất cao hơn quy định. Do bị đơn thừa nhận việc vay mượn tiền của nguyên đơn có thỏa thuận tiền lãi nhưng không xác định được mức lãi suất cụ thể, hơn nữa tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả tiền lãi với mức lãi là 10%/năm kể từ ngày 30/5/2021 nên áp dụng mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng là phù hợp. Mặc dù, bị đơn chỉ thừa nhận vay của nguyên đơn 50.000.000đồng và đồng ý trả tiền lãi trên số tiền này, nhưng do nguyên đơn chứng minh được bị đơn có vay 190.000.000đồng nên yêu cầu của nguyên đơn

buộc bị đơn phải trả tiền lãi của khoản tiền vay này là có cơ sở chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi mà bị đơn phải chịu là: Từ ngày 30/5/2021 đến ngày 30/12/2022 là 19 tháng x lãi suất 0,83% x nợ gốc 190.000.000đồng = 29.963.000đồng.

[4] Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu theo quy định.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 325.543.000đồng (trong đó tiền vay 190.000.000đồng, tiền lãi 29.963.000đồng và tiền hui 105.580.000). Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Thời gian và cách trả do Cơ quan thi hành án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 16.277.000đồng, bà Nguyễn Thị A phải chịu.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Giúp Đỡ